

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DS-PT

Ngày: 04-01-2018

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất
và tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Đắc Dương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Năm

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tính, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2016/TLPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 33/2017/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Vương Ngọc T, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Vương Ngọc V, sinh năm 1965; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Vương Ngọc K, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Vương Ngọc B, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Vương Chí D, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6. Bà Vương Ngọc B1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 30 đường P, Phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

7. Ông Vương Chí T, sinh năm 1977; địa chỉ: Hẻm 30, đường N, Khóm 1, Phường 2, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B1, ông Vương Chí D và ông Vương Chí T: Bà Vương Ngọc B, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2015). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, bà Vương Ngọc B1, ông Vương Chí D và ông Vương Chí T: Ông Nguyễn Thanh Huy, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh Huy thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- *Bị đơn: Ông Diệp X, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.*

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Diệp X: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954; địa chỉ: Khóm 2, Phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2014). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Diệp X: Ông Lâm Khắc Sinh, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lâm Khắc Sinh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1959; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bà Diệp C, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Bà Diệp Thiên K, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Ông Diệp Xuân Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

5. Ông Huỳnh Viêt P, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

6. Bà Diệp Ngọc M, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K, ông Diệp Xuân Q, ông Huỳnh Viêt P

và bà Diệp Ngọc M: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954; địa chỉ: Khóm 2, Phường 8, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2014). (có mặt)

7. Bà Huỳnh Mai L, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

8. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Châu Văn H, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Vương Ngọc B là nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 trình bày: Qua quá trình sử dụng ổn định lâu dài và thực hiện các quy định của Nhà nước về lĩnh vực đất đai, vào năm 2000, chị em ruột của các ông, bà được thừa kế quyền sử dụng đất từ gia đình họ tộc nên ngày 21/11/2005 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ diện tích 380 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 1317, tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên. Tuy nhiên trong diện tích đất này có 70 m² hộ ông Diệp X đang sử dụng, do trước đây vào khoảng năm 1959 cha của các ông, bà là ông Vương H có cho ông Diệp T ở tạm đến năm 1981 ông Diệp T chết, ông Diệp X cùng gia đình tiếp tục ở. Thời gian gần đây chị em của các ông, bà có nhu cầu chỗ ở, sau nhiều lần thương lượng bên gia đình ông Diệp X di dời tài sản trên đất để trả lại, các ông, bà hỗ trợ cho 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nhưng cả gia đình ông Diệp X không đồng ý. Nay xét thấy không thể thương lượng được nên bà yêu cầu ông Diệp X cùng gia đình phải di dời toàn bộ tài sản trên diện tích đất 70 m² trả lại cho chị em của các ông, bà. Các ông, bà sẽ hỗ trợ 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) cho ông Diệp X.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Nguyễn Văn C trình bày: Diện tích đất tranh chấp 70 m² thuộc một phần diện tích 380 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 1317, tờ bản đồ số 4 đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên. Đất có nguồn gốc vào năm 1956 cha ruột của ông tên Diệp T mua và cất nhà bán cơ bản ở cho đến chết, ông là người ở chung với ông Diệp T và tiếp tục ở, quản lý cho đến nay. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1. Ông xin được công nhận toàn bộ diện tích đất tranh chấp và tài sản trên đất cho gia đình của ông làm chủ sở hữu và tiếp tục sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q trình bày: Các ông, bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Diệp X, không đồng ý theo yêu cầu của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1; các ông, bà yêu cầu được công nhận diện tích 70 m², tiếp tục quản lý sử dụng đất và tài sản trên đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Viêt P (Huỳnh Tấn P), bà Diệp Ngọc M và bà Huỳnh Mai L trình bày: Trước đây các ông, bà lập nghiệp tại ấp C, xã P, huyện C, do không có chỗ ở nên ở nhờ nhà của ông Diệp X và nhập hộ khẩu cùng hộ với ông Diệp X nhằm thuận lợi cho lập nghiệp; sau đó toàn bộ gia đình chuyển về Tây Ninh để làm ăn và sinh sống cho đến nay. Vấn đề tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất giữa hộ ông Diệp X với bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 không có liên quan đến quyền và nghĩa vụ gì của các ông bà, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện C trình bày: Qua thẩm tra nguồn gốc, diễn biến quá trình sử dụng đất và các tư liệu kê khai đăng ký, vào ngày 21/11/2005 Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 380 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên giấy chứng nhận là đúng với trình tự và thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 157 và 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 10, 49, 50 và 136 Luật Đất đai được sửa đổi bổ sung năm 2003; Các Điều 20, 166 và 203 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Pháp lệnh án phí số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1.

Buộc hộ ông Diệp X gồm: Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất 70 m² thành tiền 245.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng) cho bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành một khoản tiền lãi suất cơ bản do Ngân

hàng nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 310 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C là của đồng các nguyên đơn do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp tục quản lý sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1, buộc hộ ông Diệp X, bà Trần Thị Đ di dời tài sản trên đất.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền của hộ ông Diệp X.

Công nhận diện tích 70 m² (trong này có loại đất ONT là 23 m²) thuộc một phần trong diện tích 380 m², thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C cho hộ gia đình ông Diệp X tiếp tục quản lý sử dụng. Có vị trí như sau: Hướng Bắc tiếp giáp thửa 1317 (phần còn lại) có số đo 3,7 m; Hướng Nam tiếp giáp với chợ (trước đây là hương lộ 7) có số đo 4,4 m; Hướng Tây tiếp giáp thửa 1317 (phần còn lại) có số đo 02 đoạn là đoạn 16,5 m và đoạn 0,2 m; Hướng Đông tiếp giáp thửa 1318 có số đo 02 đoạn là đoạn 16,4 m và đoạn 1,6 m. (Kèm theo sơ đồ kết quả khảo sát đo đạc ngày 09/02/2009 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C “nay là văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh chi nhánh huyện C”)

Đề nghị Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh - Chi nhánh huyện C làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đồng nguyên đơn do bà Vương Ngọc T làm đại diện đứng tên giấy chứng nhận và hộ ông Diệp X theo công nhận nêu trên.

5. Nghiêm cấm các bên đương sự không được đào, phá hủy, hủy hoại, làm hư hỏng đất, nhà cửa, vật kiến trúc và các tài sản trên diện tích 70 m² để đảm bảo thi hành án dân sự khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/9/2016, bà Vương Ngọc B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng buộc ông Diệp X có trách nhiệm tháo dỡ nhà và tài sản trên đất di dời nhà đi nơi khác để trả lại cho anh em bà phần đất diện tích 70 m² nằm trong tổng diện tích 380 m² tại thửa 1317 tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; yêu cầu xem xét lại giá đất và chi phí thẩm định, định giá.

Ngày 23/9/2016, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh có Quyết định kháng nghị số 238/QĐKNPT-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh

Trà Vinh đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 buộc hộ gia đình ông Diệp X phải di dời toàn bộ tài sản trả lại diện tích 70 m² thuộc một phần trong diện tích 380 m², thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho các nguyên đơn và công nhận việc tự nguyện hỗ trợ di dời 245.000.000 đồng của các nguyên đơn đối với bị đơn; đồng thời ấn định mức thời hạn được lưu cư trên đất của hộ gia đình ông Diệp X theo sự tự nguyện của phía nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh rút toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phát biểu quan điểm như sau: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ, bởi lẽ phần đất diện tích 70,4 m² (sau khi xét xử sơ thẩm do có kháng cáo nên cấp phúc thẩm tiến hành thẩm định lại diện tích có chênh lệch tăng 70,4 m²) phía bị đơn thừa nhận là của đồng nguyên đơn, án sơ thẩm xét xử bị đơn không có kháng cáo; nguyên đơn có các thành viên khác chưa có chỗ ở, án sơ thẩm tuyên giao đất cho bị đơn và buộc bị đơn trả giá trị đất là không có cơ sở, đối với giá đất mà cấp sơ thẩm đã định giá là không phù hợp với giá thực tế, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng giá đất đã định giá vào ngày 01/12/2017 với giá là 9.000.000 đồng/m². Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn buộc bị đơn di dời tài sản để trả lại diện tích đất 70,4 m² cho các đồng nguyên đơn và các đồng nguyên đơn đồng ý hỗ trợ chi phí di dời cho bị đơn là 245.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Diệp X phát biểu quan điểm như sau: Án sơ thẩm đã tuyên là hợp tình, hợp lý nên ông Diệp X không kháng cáo; trong các lần định giá của cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm có sự chênh lệch rất lớn, theo hồ sơ thể hiện trong phần đất đang tranh chấp gồm có đất ở và đất cây lâu năm nhưng Hội đồng định giá chỉ áp một mức giá mà không phân định bao nhiêu mét vuông là đất ở bao nhiêu mét vuông là đất cây lâu năm để xác định từng loại giá cụ thể là chưa phù hợp; hộ ông Diệp X đã ở trên đất tranh chấp ổn định từ năm 1959 cho đến nay nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đồng nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của các nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C đề nghị sửa án sơ thẩm buộc bị đơn trả diện tích đất 70,4 m² và di dời căn nhà trên đất để trả đất cho các nguyên đơn sử dụng, nguyên đơn hỗ trợ di dời cho gia đình bị đơn 245.000.000 đồng và không đồng ý nhận giá trị đất do bị đơn thanh toán là không có căn cứ, vì theo kết quả khảo sát đo đạc ngày 17/4/2017 phần diện tích đất tranh chấp 70,4 m² nằm một phần trong diện tích đất 380 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh do hộ bà Vương Ngọc T đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà mà gia đình ông Diệp X đang quản lý sử dụng. Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất là của bà Lý An H để lại cho các cháu là ông Vương H (là cha các nguyên đơn chết năm 1993) ông Lưu T (chết không rõ năm) và ông Vương Lai K quản lý sử dụng cất nhà sinh sống; ông Lưu T cất nhà để ở trên đất tranh chấp đến năm 1959 đã cùng gia đình dời nhà về Trà Vinh, thì ông Vương Lai K và ông Vương H cho ông Diệp T (cha của ông Diệp X) cất nhà lá ở tạm trên phần đất ông Lưu T đã dọn đi; năm 1983, 1996 ông Vương Lai K đã kê khai đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 20/01/2000 diện tích 850 m² thuộc thửa số 910, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C; sau khi ông Vương Lai K chết, thì phần đất 850 m² được các con cháu của ông Vương Lai K phân chia thừa kế và chuyển nhượng; các nguyên đơn được nhận thừa kế 380 m² thửa đất 1317 và đã lập tờ đồng thuận ngày 02/02/2004 cho bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên, bà Vương Ngọc T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/11/2005 (BL 45). Từ năm 1959 gia đình nguyên đơn ông Vương H cho ông Diệp T (cha của ông Diệp X) cất nhà lá ở tạm trên phần đất tranh chấp; sau khi ông Diệp T chết năm 1981, con của ông Diệp T là ông Diệp X tiếp tục quản lý, sử dụng để ở với vợ và các con cháu cho đến nay. Ông Diệp X cho rằng đất có nguồn gốc vào năm 1956 do ông Diệp T (cha ông) mua của ông Lưu T, nhưng ông Diệp X không có chứng cứ chứng minh việc ông Diệp T mua đất của ông Lưu T hay được ông Lưu T cho đất (BL 140-141, 168).

Theo biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp ngày 04/9/2008, của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C ngày 21/12/2009, tờ trường trình ngày 16/9/2008 của ông Diệp X (BL 160), tờ khai ngày 15/12/2008 (BL 386) cũng như biên bản tiếp xúc ngày 02/10/2009 của Ban tư pháp xã P ông Diệp X đều thừa nhận diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông Vương H, năm 1956 ông Vương H cho ông Diệp T cất nhà ở trên đất, gia đình ông xin mua lại phần đất này để tiếp tục sử dụng nhưng các bên không thống nhất về giá, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Nguyễn Văn C là đại diện theo ủy quyền của ông Diệp X và ông Lâm Khắc Sinh là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Diệp X

thừa nhận ông Diệp T cất nhà ở trên đất gia đình nguyên đơn, yêu cầu công nhận cho gia đình ông Diệp X được tiếp tục sử dụng đất, ông Diệp X sẽ trả giá trị đất cho nguyên đơn theo kết quả định giá ngày 23/8/2016 là 245.000.000 đồng. Ngày 18/5/2011, Ủy ban nhân dân huyện C có Công văn số 506 khẳng định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vương Ngọc T thửa đất số 1317 diện tích 380 m² loại đất thổ quả, tờ bản đồ số 4 tại ấp C, xã P, huyện C là đúng quy định, do đó các nguyên đơn yêu cầu được hưởng phần đất này là có căn cứ.

Tuy nhiên, gia đình ông Diệp X sử dụng nhà đất liên tục nhiều năm, làm nơi mua bán sinh sống, ngoài nhà đất tranh chấp gia đình ông Diệp X không có nhà đất khác; căn nhà bị đơn cất trên đất của nguyên đơn xây dựng kiên cố nên khó có thể di dời, nếu di dời sẽ gây hư hỏng; hộ ông Diệp X yêu cầu tiếp tục sử dụng đất đồng ý trả giá trị đất cho nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời tài sản trả đất cho nguyên đơn sử dụng và đồng ý hỗ trợ cho bị đơn số tiền di dời 245.000.000 đồng, vì gia đình nguyên đơn có 3 người hiện có khó khăn về chỗ ở, hiện đang thuê nhà trọ để ở, nhưng thực tế các nguyên đơn có nhà và còn có diện tích đất 310 m² nằm trong diện tích đất 380 m² thửa đất 1317 giáp nhà, đất tranh chấp để sử dụng nhưng do bà Vương Ngọc B và ông Vương Chí T đi làm tại thành phố T nên ở nhờ nhà anh em và thuê nhà trọ để ở cho thuận tiện chứ không phải khó khăn về chỗ ở. Ngoài ra, hồ sơ thể hiện ngày 10/3/2003 ông Vương Chí T có chuyển nhượng diện tích đất 65,6 m² tại số 26 Quang Trung, Khóm 6, Phường 4, thành phố T. (BL 136).

Vì vậy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc bị đơn ông Diệp X và bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q di dời nhà trả đất tranh chấp cho nguyên đơn mà công nhận đất cho gia đình bị đơn sử dụng và buộc phía bị đơn thanh toán giá trị đất cho các nguyên đơn là có căn cứ. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu hộ ông Diệp X di dời nhà trả lại diện tích đất 70 m² là không có căn cứ chấp nhận. Do đó Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh rút toàn bộ kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu xem xét về giá đất vì cho rằng cấp sơ thẩm định giá phần đất tranh chấp thấp là có căn cứ, bởi lẽ ngày 23/8/2016 Tòa án cấp sơ thẩm đã thành lập Hội đồng định giá xác định giá trị đất tranh chấp 3.500.000 đồng/m²; sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn cho rằng cấp sơ thẩm định giá phần đất tranh chấp thấp nên yêu cầu định giá lại; Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh thành lập Hội đồng định giá lại, kết quả định giá ngày 01/12/2017 xác định diện tích đất 70,4 m² có giá 9.000.000 đồng/m², trên cơ sở giá chuyển nhượng của căn nhà số 95 tại ấp C, xã P, huyện C (đối diện phần đất tranh chấp), do đó án sơ thẩm xác định giá trị đất 3.500.000 đồng/m² là chưa phù hợp, nên sửa về giá trị đất, công nhận cho hộ gia đình ông Diệp X được tiếp tục sử dụng diện tích đất 70,4 m²

và buộc hộ gia đình ông Diệp X phải thanh toán cho các nguyên đơn giá trị quyền sử dụng đất 70,4 m² với giá 9.000.000 đồng/m² = 633.600.000 đồng.

Đối với kháng cáo của nguyên đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm buộc các nguyên đơn chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên án sơ thẩm lại buộc các nguyên đơn phải chịu chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm là chưa phù hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, đề nghị sửa phần quyết định này của án sơ thẩm, các nguyên đơn không phải chịu chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm

Từ cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án số 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét đơn kháng cáo của bà Vương Ngọc B và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh còn trong hạn luật định được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nội dung đơn kháng cáo của bà Vương Ngọc B yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng buộc ông Diệp X có trách nhiệm tháo dỡ nhà và tài sản trên đất di dời nhà đi nơi khác để trả lại cho anh em bà phần đất diện tích 70 m² nằm trong tổng diện tích 380 m² tại thửa 1317 tờ bản đồ số 4 tọa lạc ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh; yêu cầu xem xét lại giá đất và chi phí thẩm định, định giá.

Xét nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 buộc hộ gia đình ông Diệp X phải di dời toàn bộ tài sản trả lại diện tích 70 m² thuộc một phần trong diện tích 380 m², thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cho các nguyên đơn và công nhận việc tự nguyện hỗ trợ di dời 245.000.000 đồng của các nguyên đơn đối với bị đơn, đồng thời ấn định mức thời hạn được lưu cư trên đất của hộ gia đình ông Diệp X theo sự tự nguyện của phía nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Phần đất tranh chấp giữa bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 với hộ ông Diệp X theo kết quả khảo sát thực tế tại cấp sơ thẩm có diện tích là 70 m², thuộc một phần thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, có tổng diện tích 380 m² loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C, do

bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng; sau khi kháng cáo tại cấp phúc thẩm phía nguyên đơn có yêu cầu xem xét, thẩm định lại diện tích đất tranh chấp, theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 17/4/2017 thì phần đất tranh chấp có diện tích là 70,4 m², các đương sự đều thống nhất với diện tích tranh chấp là 70,4 m² và yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với diện tích này (yêu cầu này nằm trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là 71 m²).

Phần đất thửa 1317 có nguồn gốc là của thân tộc và gia đình của các nguyên đơn, quá trình quản lý sử dụng có kê khai đăng ký, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người sử dụng đất và làm đơn xin được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên được cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2005 giao cho đồng các nguyên đơn do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với phần đất tranh chấp, vào khoảng năm 1959 cha của các nguyên đơn là ông Vương H có cho ông Diệp T ở đến năm 1981 ông Diệp T chết, ông Diệp X cùng gia đình là vợ và các con của ông tiếp tục ở, sinh sống cho đến nay. Nên các nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn di dời nhà cửa trả lại diện tích đất tranh chấp là 70,4 m² cho các nguyên đơn.

Tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía bị đơn cũng như đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng thừa nhận phần đất tranh chấp là của gia đình các nguyên đơn cho ở nhờ, đồng thời phía bị đơn yêu cầu được tiếp tục sử dụng phần diện tích đất tranh chấp 70,4 m² và trả lại giá trị đất theo giá của Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã định là 3.500.000 đồng/m². Tuy nhiên do căn nhà trên diện tích đang tranh chấp là chỗ ở duy nhất của hộ ông Diệp X và hộ ông Diệp X ở ổn định trong suốt thời gian dài từ năm 1959 cho đến nay, nếu buộc tháo dỡ và di dời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống và sinh hoạt của hộ gia đình ông Diệp X; từ đó án sơ thẩm cho hộ của ông Diệp X được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp, đồng thời buộc hộ của ông Diệp X có nghĩa vụ thanh toán giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tranh chấp cho các đồng nguyên đơn là có căn cứ.

Tại cấp phúc thẩm thì các đương sự có khiếu nại về giá và yêu cầu định giá lại đối với phần đất tranh chấp; tại biên bản định giá ngày 01/12/2017 của Hội đồng định giá cấp phúc thẩm xác định phần đất tranh chấp có giá là 9.000.000 đồng/m², do đó Hội đồng xét xử cần sửa án sơ thẩm về giá đối với phần đất tranh chấp là $70,4 \text{ m}^2 \times 9.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 633.600.000 \text{ đồng}$.

Đối với quyết định của án sơ thẩm về chi phí khảo sát, định giá, xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn đối với phần diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên án sơ thẩm lại buộc các nguyên đơn phải chịu chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm là chưa phù hợp ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự do đó cấp phúc thẩm cần sửa phần quyết định này của án sơ thẩm, các nguyên đơn không phải chịu chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm.

Về yêu cầu định giá lại tài sản của bị đơn: Sau khi thụ lý để xét xử phúc thẩm các đương sự có yêu cầu định giá lại tài sản tranh chấp nên cấp phúc thẩm đã tiến hành định giá lại lần 1 vào ngày 17/4/2017, lần 2 vào ngày 06/10/2017 và lần 3 vào ngày 01/12/2017, xét thấy bị đơn không có căn cứ chứng minh việc định giá là không chính xác, cũng không có căn cứ chứng minh rằng việc định giá là không phù hợp với giá thị trường tại nơi có tài sản định giá tại thời điểm giải quyết vụ án nên không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Vương Ngọc B, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn tại phiên tòa, chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tại phiên tòa, chấp nhận một phần đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

Về chi phí khảo sát, định giá:

Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 3.268.700 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm đồng) tiền chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm.

Số tiền chi phí khảo sát, định giá tại cấp phúc thẩm là 4.430.785 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng) (lần 1 là 2.494.865 đồng, lần 2 là 928.700 đồng, lần 3 là 1.007.220 đồng); ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 50% bằng 2.215.393 đồng (Hai triệu hai trăm mười lăm ngàn ba trăm chín mươi ba đồng); bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải chịu 50% bằng 2.215.392 đồng (Hai triệu hai trăm mười lăm ngàn ba trăm chín mươi hai đồng).

Về án phí:

Bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải chịu 1.832.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo các biên lai số 003427 ngày 05/12/2008, 0009734, 0009733, 0009732, 0009731, 0009730 và 0009729 cùng ngày 01/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải nộp tiếp số tiền 332.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 31.680.000 đồng (633.600.000 đồng x 5%) (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Do sửa án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009, bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 29/2016/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” giữa nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 với bị đơn ông Diệp X.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1.

Buộc hộ ông Diệp X gồm: Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q có nghĩa vụ trả giá trị quyền sử dụng đất 70,4 m² thành tiền 633.600.000 đồng (70,4 m² x 9.000.000 đồng/m²) (Sáu trăm ba mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng) cho bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1.

Diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 309,6 m², loại đất ở tại nông thôn và trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C là của đồng các nguyên đơn do bà Vương Ngọc T đại diện đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tiếp tục quản lý sử dụng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1, buộc hộ ông Diệp X, bà Trần Thị Đ di dời tài sản trên đất.

3. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền của hộ ông Diệp X.

Công nhận diện tích 70,4 m² (trong này có loại đất ONT là 23 m²) thuộc một phần trong diện tích 380 m², thửa số 1317, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp C, xã P, huyện C cho hộ gia đình ông Diệp X tiếp tục quản lý sử dụng. Có vị trí như sau: Hướng Bắc tiếp giáp thửa 1317 (phần còn lại, đoạn 4-5) có số đo 3,3 m; Hướng Nam tiếp giáp với chợ (hương lộ 7, đoạn 1-6) có số đo 4,4 m; Hướng Tây tiếp giáp thửa 1317 (phần còn lại) có 03 đoạn có tổng số đo 17,7 m (gồm: đoạn 1-2 có số đo 13,9 m, đoạn 2-3 có số đo 1,1 m và đoạn 3-4 có số đo 2,7 m); Hướng Đông tiếp giáp thửa 1318 (đoạn 5-6) có số đo 18,0 m. (Kèm theo sơ đồ khu đất theo Công văn 246/VPĐKĐĐ-KTĐC ngày 19/6/2017 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh)

Hộ ông Diệp X có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và thực hiện nghĩa vụ về tài chính để làm thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích và tứ cận theo quyết định của bản án này

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu thêm cho bên được thi hành khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, về lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về chi phí khảo sát, định giá:

Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 3.268.700 đồng (Ba triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm đồng) tiền chi phí khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm; số tiền này các nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 đã nộp tạm ứng trước; số tiền này khi Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu của ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q sẽ hoàn trả lại cho các nguyên đơn bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1.

Số tiền chi phí khảo sát, định giá tại cấp phúc thẩm là 4.430.785 đồng (Bốn triệu bốn trăm ba mươi ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng); ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 50% bằng 2.215.393 đồng (Hai triệu hai trăm mười lăm ngàn ba trăm chín mươi ba đồng), ông Diệp X đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, nên ông Diệp X được nhận lại 784.607 đồng tiền tạm ứng còn thừa tại Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh; bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải chịu 50% bằng 2.215.392 đồng (Hai triệu hai trăm mười lăm ngàn ba trăm chín mươi hai đồng), bà Vương Ngọc B đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng, nên bà Vương Ngọc B được nhận lại 2.784.608 đồng tiền tạm ứng còn thừa tại Văn phòng Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Về án phí:

Bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải chịu 1.832.000 đồng (Một triệu tám trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 1.500.000 đồng theo các biên lai số 003427 ngày 05/12/2008, 0009734, 0009733, 0009732, 0009731, 0009730 và 0009729 cùng ngày 01/4/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 phải nộp tiếp số tiền 332.000 đồng (Ba trăm ba mươi hai ngàn đồng).

Ông Diệp X, bà Trần Thị Đ, bà Diệp C, bà Diệp Thiên K và ông Diệp Xuân Q phải chịu 31.680.000 đồng (633.600.000 đồng x 5%) (Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà Vương Ngọc T, bà Vương Ngọc K, bà Vương Ngọc V, bà Vương Ngọc B, ông Vương Chí D, ông Vương Chí T và bà Vương Ngọc B1 mỗi người 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai số 0004539, 0004540, 0004541, 0004542, 0004543, 0004544, 0004545 cùng ngày 28/9/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Các quyết định khác bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Đắc Dương